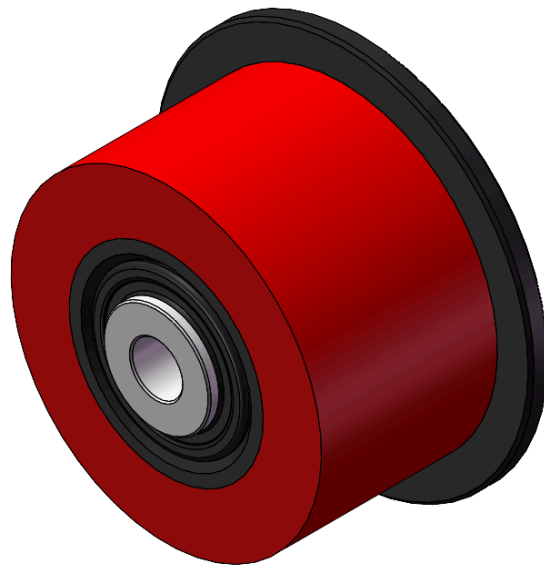


## Series PU

Đường kính bánh xe  $\times$  chiều rộng bánh xe 101.6 x 64mm

EAN

YJ-12033304236471



Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.

Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

### Quy cách chi tiết sản phẩm

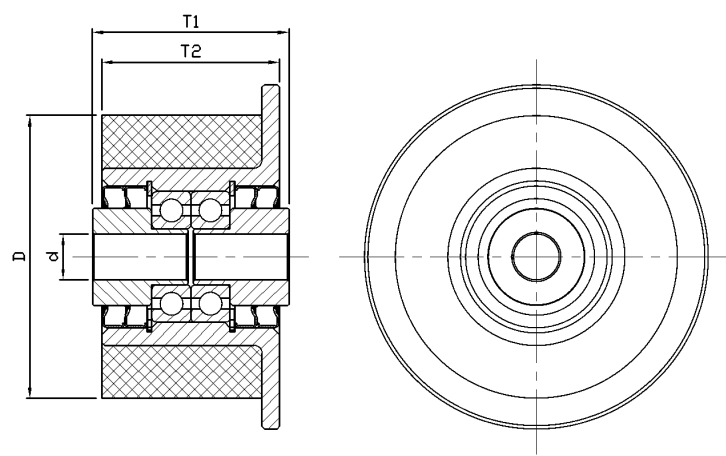
☒ đơn vị mét ☐ đế quốc

|                         |                |
|-------------------------|----------------|
| Dường kính bánh xe(D)   | 101.6mm        |
| Chiều rộng bánh xe(T2)  | 64mm           |
| vòng bi bánh xe         | Vòng bi cầu    |
| Đường kính lỗ ổ bi (d)  | 16.5mm         |
| Đường kính lỗ ổ bi (S)  | —              |
| Chiều sâu lỗ ổ bi(t)    | —              |
| Chiều rộng lõi trục(T1) | 70.6mm         |
| Độ cứng                 | 92±5° Shore A  |
| Tải trọng (động)        | 320kgs         |
| Tải trọng (tĩnh)        | 480kgs         |
| Nhiệt độ                | -20°C to +70°C |
| Dẫn điện                | N/A            |
| Chống tĩnh điện         | N/A            |
| Trọng lượng bánh xe đẩy | 1.67kgs        |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm  | ISO22883       |

## Tổng quan ưu điểm

|                      |                                                                    |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Độ di chuyển mượt mà | <div><div></div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> |
| Chế độ im lặng       | <div><div></div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> |
| Bảo vệ mặt sàn       | <div><div></div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> |

Bản vẽ 2D phác thảo kích thước bánh xe đơn



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét